Sắt HPT 251

DOC312.32.94431

0,01–1,00 mg/L Fe hoặc 0,012–1,200 mg/L Fe (Bộ chuẩn bị kim loại TNT890)

TNTplus® HPT 251—Phương pháp 10306

Phạm vi và ứng dụng: Dùng cho nước uống, nước thô, nước hồ bơi, nước thải và phân tích quy trình.

Chuẩn bị xét nghiệm

Bảo quản hóa chất

Nhiệt độ bảo quản: 15–25 °C (59–77 °F)

pH/Nhiệt độ

Độ pH của mẫu nước phải nằm trong khoảng pH 3–10.

Nhiệt độ của mẫu nước và các hóa chất phải nằm trong khoảng 15–25 °C (59–77 °F).

Trước khi bắt đầu

Để cho kết quả chính xác, cần đảm bảo không có bọt khí trong đường truyền tia sáng (phần dưới của ống nghiệm). Nếu có bọt khí bám vào thành ống, hãy nhẹ nhàng lắc hoặc gõ nhẹ để loại bỏ.
Sắt không tan và sắt liên kết trong các phức chất chỉ có thể xác định sau khi phân hủy bằng Bộ chuẩn bị kim loại TNT890. Cần tính đến mẫu trắng của hóa chất khi đánh giá kết quả. Quy trình thực hiện có thể tham khảo trên trang web của nhà sản xuất.
Đối với mẫu trắng riêng biệt, ví dụ khi phân tích hàng loạt, có thể dùng ống nghiệm 50 mm LZP341 thay thế. Mẫu trắng và mẫu thử có thể chuẩn bị theo cách này để đo nhanh.
Quy trình này chỉ sử dụng cho DR3900 và DR6000.
Xem lại thông tin an toàn và hạn sử dụng trên bao bì.
Xem Bảng Dữ liệu An toàn Hóa chất (MSDS/SDS) cho các loại hóa chất sử dụng. Hãy sử dụng đầy đủ thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến nghị.
Xử lý dung dịch sau phản ứng theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang. Tham khảo Bảng Dữ liệu An toàn để biết cách xử lý hóa chất chưa sử dụng. Tham khảo bộ phận môi trường, y tế và an toàn tại cơ sở của bạn hoặc các cơ quan chức năng địa phương để biết thêm thông tin về việc xử lý.

Quy trình thực hiện

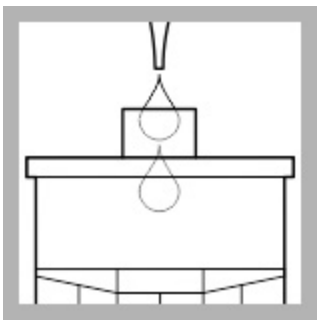

1. Dùng pipet lấy **5,0 mL** mẫu **thí nghiệm**.

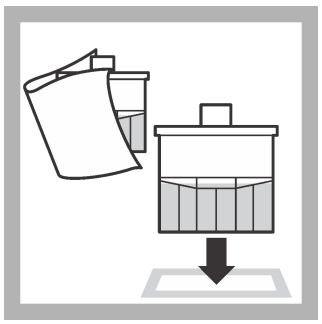

2. Vệ sinh kỹ bên ngoài ống nghiệm. Đặt ống vào giá đỡ. Nhấn **ZERO**. **Đảm bảo không có bong bóng khí trong ống!**

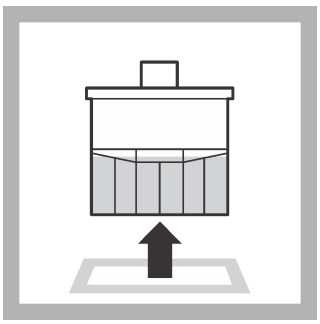

3. Lấy ống nghiệm ra khỏi giá đỡ.

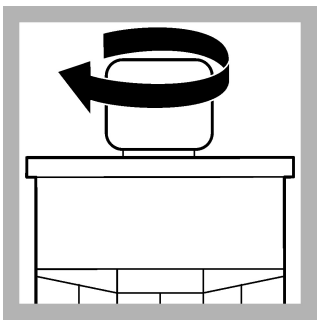

4. Vặn **DosiCap A** lên ống nghiệm.

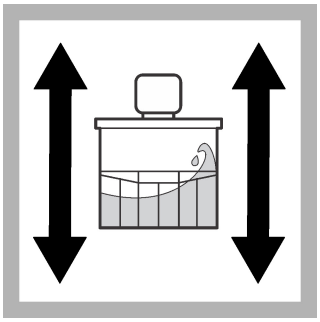

5. Lắc nhẹ ống vài lần cho đến khi toàn bộ thành phần đông khô trong nắp DosiCap tan hoàn toàn.



6. Bắt đầu đếm thời gian phản ứng trong vòng **10 phút**.

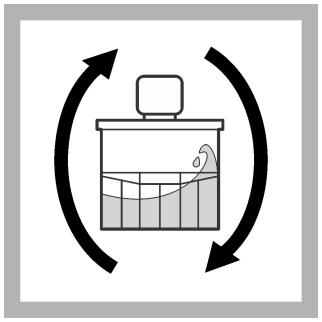

7. Sau **10 phút**, tiếp tục lắc thêm vài lần nữa.

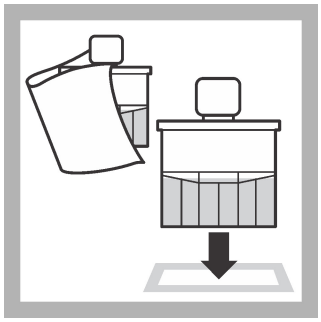

8. Lau sạch bên ngoài ống một cách cẩn thận. Đặt ống vào giá đỡ, sau đó nhấn **READ**.

Chú ý không để xuất hiện bọt khí!

Các yếu tố gây nhiễu

Các ion liệt kê trong bảng đã được kiểm tra riêng lẻ ở các nồng độ quy định và không gây nhiễu. Tác động cộng gộp và ảnh hưởng từ các ion khác chưa được xác định.

Nồng độ đồng, niken và thiếc cao có thể gây sai số lớn khi đo kết quả.

Kết quả đo cần được kiểm tra tính hợp lý (bằng cách pha loãng hoặc thêm chuẩn vào mẫu thử).

Mức độ nhiễu	Chất gây nhiễu
1000 mg/L	Cl^-, SO_4^{2-}
500 mg/L	K^+, Na^+, Ca^{2+}
50 mg/L	Pb^{2+}, Cr^{6+}
40 mg/L	Cd^{2+}, NO_3^-
25 mg/L	Ni^{2+}
15 mg/L	Cr^{3+}, CO_3^{2-}
5 mg/L	Cu^{2+}, Co^{2+}
2 mg/L	Sn^{2+}

Tóm tắt phương pháp

Ion sắt (II) kết hợp với 1,10-phenanthroline tạo thành phức màu cam đỏ. Nếu có mặt ion sắt (III) trong mẫu nước, axit ascorbic sẽ khử về ion sắt (II) trước khi tạo phức.

TNTplus®

FOR TECHNICAL ASSISTANCE, PRICE INFORMATION AND ORDERING: In the U.S.A. – **Call toll-free 800-227-4224** Outside the U.S.A. – **Contact the HACH office or distributor serving you.** On the Worldwide Web – **www.hach.com**; E-mail – **techhelp@hach.com**

HACH COMPANY WORLD HEADQUARTERS
Telephone: (970) 669-3050
FAX: (970) 669-2932

© Hach Company, 2019. All rights reserved.

07/2019, Edition 1